

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Dương, 2018**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

## MỤC LỤC

<b>BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>1</b>
<b>I. Thông tin chung về CTĐT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. Tầm nhìn - Sứ Mệnh - Chính sách chất lượng .....</b>	<b>2</b>
<b>2.1. Tầm nhìn 2025 .....</b>	<b>2</b>
<b>2.2. Sứ mệnh 2020 .....</b>	<b>2</b>
<b>2.3. Chính sách chất lượng 2020.....</b>	<b>2</b>
<b>B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
<b>I. Mục tiêu đào tạo.....</b>	<b>2</b>
<b>1.1. Mục tiêu chung .....</b>	<b>2</b>
<b>1.2. Mục tiêu cụ thể.....</b>	<b>2</b>
<b>1.2.1. Kiến thức .....</b>	<b>2</b>
<b>1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương.....</b>	<b>2</b>
<b>1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp .....</b>	<b>3</b>
<b>1.2.2. Kỹ năng .....</b>	<b>3</b>
<b>1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....</b>	<b>3</b>
<b>II. Chuẩn đầu ra .....</b>	<b>3</b>
<b>2.1. Kiến thức .....</b>	<b>3</b>
<b>2.2. Kỹ năng.....</b>	<b>4</b>
<b>2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....</b>	<b>4</b>
<b>III. Nội dung chương trình đào tạo.....</b>	<b>4</b>
<b>IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....</b>	<b>8</b>
<b>V. Tiến trình đào tạo .....</b>	<b>11</b>
<b>VI. Nội dung các học phần.....</b>	<b>12</b>
<b>6.1. Mô tả học phần .....</b>	<b>12</b>
<b>6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo) .....</b>	<b>27</b>

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 306/QĐ-ĐHSD, ngày 16 tháng 8 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### **A. GIỚI THIỆU CHUNG**

#### **I. Thông tin chung về CTĐT**

1. Tên CTĐT: Quản trị kinh doanh
2. Mã ngành đào tạo: 7340101
3. Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
4. Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.
5. Tên gọi Văn Bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh
6. Trình độ đào tạo: Đại học
7. Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất)
8. Khoa quản lý: Khoa Kinh tế
9. Hình thức đào tạo: Chính quy.
10. Thời gian đào tạo: 04 năm
11. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
12. Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
13. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ
14. Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn: Thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành về lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
15. Chương trình tham khảo:
  - [1]. Chương trình đào tạo *Quản trị kinh doanh* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017.
  - [2]. Chương trình đào tạo *Quản trị kinh doanh* Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2017.
  - [3]. Chương trình đào tạo *Quản trị kinh doanh* Trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
  - [4]. Chương trình đào tạo *Quản trị kinh doanh*, *The University of queensland*, 2018.

[5]. Chương trình đào tạo *Quản trị kinh doanh*, Troy University, 2018.

16. Thời điểm thiết kế: Tháng 8 năm 2018.

## **II. Tầm nhìn - Sứ Mạng - Chính sách chất lượng**

### **2.1. Tầm nhìn 2025**

Đại học Sao Đỏ trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế nhằm phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập để phát triển đất nước. Liên thông và công nhận chất lượng lẫn nhau; thực hiện triết lý giáo dục đảm bảo quyền được học tập suốt đời cho mọi người trong nền kinh tế tri thức.

### **2.2. Sứ mạng 2020**

Đào tạo đa ngành đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát huy tốt nhất khả năng sáng tạo của người học, yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt, làm việc hiệu quả.

### **2.3. Chính sách chất lượng 2020**

1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng lấy người học làm trung tâm, lấy chất lượng đào tạo làm cốt lõi, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm mục tiêu, lấy xu thế thời đại để định hướng tiếp cận.

2. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn; nghiên cứu khoa học gắn với ứng dụng chuyển giao công nghệ và sản xuất dịch vụ.

3. Mở rộng quan hệ hợp tác sâu với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo và tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, tăng cường đầu tư trang thiết bị tiên tiến hiện đại, mở ngành đào tạo Thạc sĩ để phát triển nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng.

5. Không ngừng cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, phấn đấu đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc gia vào trước năm 2020.

## **B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển trong lĩnh vực quản trị kinh doanh thời kỳ hội nhập quốc tế.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

##### **1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

#### *1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế học, thống kê, thương mại, marketing, tài chính và kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh, quản trị nhân lực, tác nghiệp, chất lượng, thương hiệu để quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

#### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng khai thác mạng internet, phần mềm tin học và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp; đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

#### **1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

## **II. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Phân tích được quan hệ cung cầu trên thị trường, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, phương pháp kế toán và hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu, chính sách marketing và thương mại.

2.1.5. Phân tích được chiến lược kinh doanh, hoạch định nguồn nhân lực, quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tổ chức kinh tế.

## **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Giải quyết được các vấn đề về hoạch định chính sách, phát triển nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của tổ chức kinh tế.

2.2.2. Ra quyết định độc lập, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên phân tích, đánh giá các chính sách quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

2.2.3. Xây dựng và tổ chức triển khai được phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

2.2.4. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.2.5. Vận dụng được kiến thức chuyên môn để phản biện và đưa ra các giải pháp thay thế trong quản trị kinh doanh.

2.2.6. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.2.8. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến quản trị kinh doanh.

## **III. Nội dung chương trình đào tạo**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>61</b>	<b>46</b>	<b>15</b>
<b>3.1.1</b>		<b>Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	5	5	0
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
<b>3.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
4.	KHXX 101	Tâm lý học đại cương	2	2	0
5.	KHXX 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
6.	KHXX 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
<b>3.1.3.1</b>		<b>Ngôn ngữ Anh</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
8.	TANH 201	Tiếng Anh 1	2	2	0
9.	TANH 202	Tiếng Anh 2	2	2	0
10.	TANH 303	Tiếng Anh 3	2	2	0
11.	TANH 304	Tiếng Anh 4	2	2	0
12.	TANH 403	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	3	0
<b>3.1.3.2</b>		<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
13.	TTRUNG201	Tiếng Trung 1	2	2	0
14.	TTRUNG202	Tiếng Trung 2	2	2	0
15.	TTRUNG303	Tiếng Trung 3	2	2	0
16.	TTRUNG304	Tiếng Trung 4	2	2	0
17.	TTRUNG403	Tiếng Trung 5	3	3	0
<b>3.1.4</b>		<b>Toán học - Tin học</b>	<b>13</b>	<b>11</b>	<b>2</b>
18.	TOAN 181	Toán ứng dụng c1	3	3	0
19.	TOAN 182	Toán ứng dụng c 2	3	3	0
20.	TOAN 241	Xác suất và thống kê	3	3	0
21.	TIN 122	Tin học cơ bản 1	2	1	1
22.	TIN 226	Tin học cơ bản 2	2	1	1
<b>3.1.5</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
23.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
24.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
25.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
<b>3.1.6</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và An ninh</b>			
26.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và An ninh	<b>165h (4TC)</b>		
<b>3.1.7</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	12	6	6
27.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
28.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	4	2	2
29.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<b>TỰ CHỌN TÙY Ý</b>			
30.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	2
<b>3.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>92</b>	<b>59</b>	<b>33</b>
<b>3.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>4</b>
31.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1	3	2	1
32.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
33.	KHXH 211	Luật kinh tế	2	2	0
34.	TKE 213	Lý thuyết thống kê	3	2	1



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
35.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
36.	KTE 215	Kinh tế lượng	3	2	1
37.	MKT 111	Marketing căn bản	3	3	0
<b>3.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>21</b>	<b>16</b>	<b>5</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>18</b>	<b>14</b>	<b>4</b>
38.	QTRI 333	Kỹ năng quản trị	2	1	1
39.	KHXXH 292	Giao tiếp trong kinh doanh	3	2	1
40.	QTRI 283	Thương mại quốc tế	3	2	1
41.	QTRI 212	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0
42.	QTRI 244	Quản trị học	3	3	0
43.	KTOAN 214	Nguyên lý kế toán	3	2	1
44.	QTRI 376	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	2	0
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 (chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
45.	TCHINH 451	<i>Lập và phân tích dự án đầu tư</i>	3	2	1
46.	KTE 241	<i>Phân tích hoạt động kinh tế</i>	3	2	1
47.	KTOAN 221	<i>Kế toán tài chính</i>	3	2	1
<b>3.2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>34</b>	<b>27</b>	<b>7</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>5</b>
48.	QTRI 452	Quản trị chất lượng	3	2	1
49.	QTRI 321	Quản trị Marketing	3	2	1
50.	QTRI 365	Quản trị nhân lực	2	2	0
51.	QTRI 354	Quản trị kinh doanh 1	3	2	1
52.	QTRI 451	Quản trị kinh doanh 2	3	3	0
53.	QTRI 351	Quản trị chiến lược	4	3	1
54.	QTRI 352	Quản trị tác nghiệp 1	3	2	1
55.	QTRI 353	Quản trị tác nghiệp 2	3	3	0
56.	QTRI 349	Quản trị bán hàng	3	3	0
57.	QTRI 367	Quản trị thương hiệu	3	3	0
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 2 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
58.	TCHINH 322	<i>Thị trường chứng khoán</i>	2	1	1
59.	KTE 344	<i>Kinh tế môi trường</i>	2	1	1
60.	QTRI 361	<i>Tính chi phí kinh doanh</i>	2	1	1
		<b>TỰ CHỌN TÙY Ý</b>			
61.	KHXXH 323	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh	2	1	1
62.	KTE 321	Thống kê doanh nghiệp	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
63.	QTRI 457	Đề án quản trị tác nghiệp	2	0	2
64.	QTRI 464	Đề án quản trị kinh doanh	2	0	2
65.	QTRI426	Thực tập chuyên đề	3	0	3
<b>3.2.4</b>		<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>17</b>
66.	QTRI 424	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	7	0	7
67.	QTRI 495	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10	0	10
68.	QTRI 463	<i>Giao dịch và đàm phán kinh doanh</i>	3	2	1
69.	QTRI 211	<i>Quản trị văn phòng</i>	3	2	1
70.	KHXXH 322	<i>Văn hoá kinh doanh</i>	2	1	1
71.	TCHINH 341	<i>Thuế</i>	2	1	1
		<b>Tổng (tín chỉ)</b>	<b>153</b>	<b>105</b>	<b>48</b>

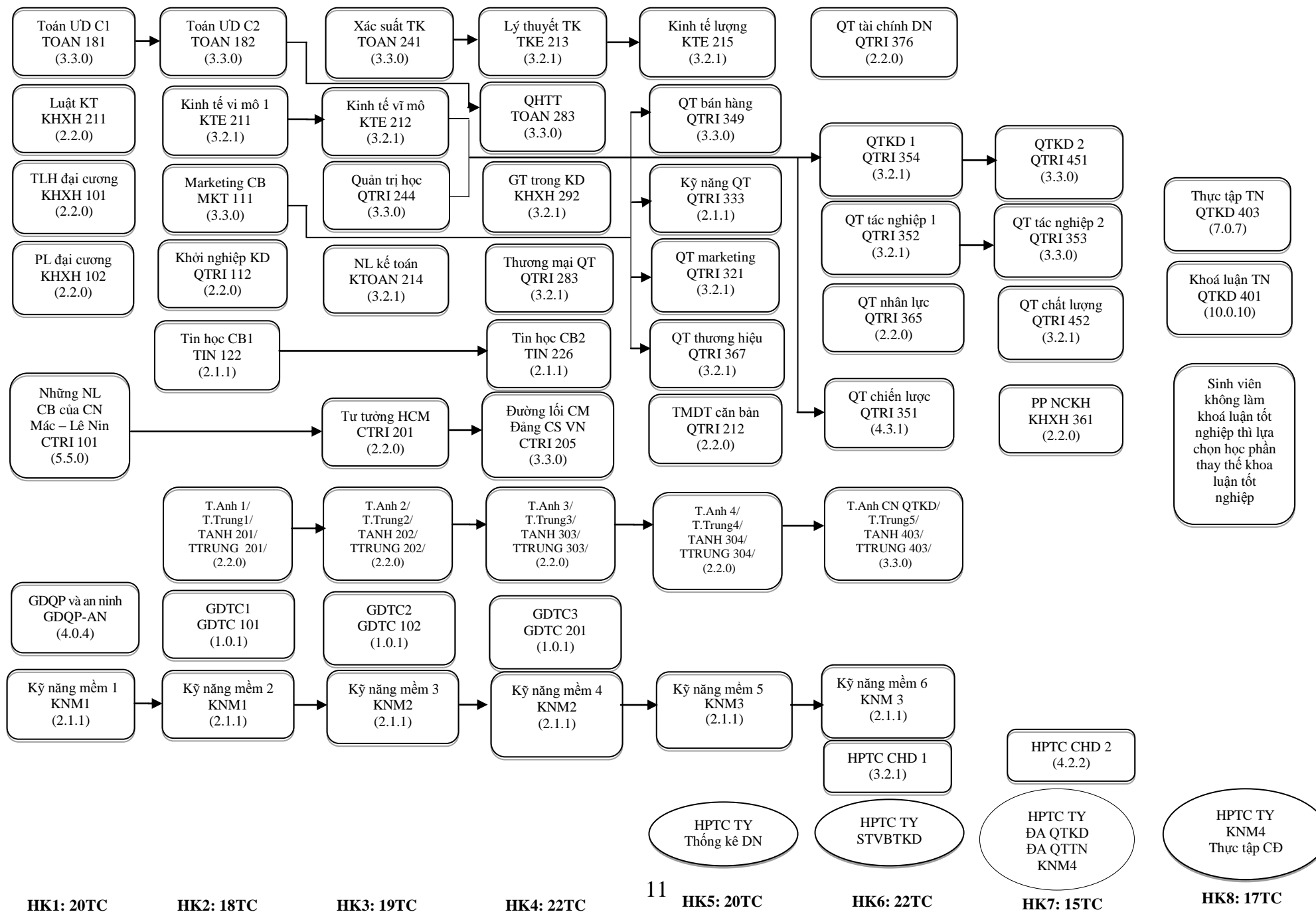
#### IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																					
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm							
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4				
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	x																x			x		
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																	x			x	
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	x																	x			x	
4.	KHXX 101	Tâm lý học đại cương	x																	x			x	
5.	KHXX 102	Pháp luật đại cương	x																	x	x			
6.	KHXX 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học							x											x	x			
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh							x				x							x	x	x		
8.	TANH 201	Tiếng Anh 1			x															x	x			
9.	TANH 202	Tiếng Anh 2			x															x	x			
10.	TANH 303	Tiếng Anh 3			x															x	x			
11.	TANH 304	Tiếng Anh 4			x															x	x			
12.	TANH 403	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh			x															x	x			
13.	TTRUNG201	Tiếng Trung 1			x															x	x			
14.	TTRUNG202	Tiếng Trung 2			x															x	x			
15.	TTRUNG303	Tiếng Trung 3			x															x	x			
16.	TTRUNG304	Tiếng Trung 4			x															x	x			
17.	TTRUNG403	Tiếng Trung 5			x															x	x			
18.	TOAN 181	Toán ứng dụng c1			x															x	x			
19.	TOAN 182	Toán ứng dụng c 2			x															x				
20.	TOAN 241	Xác suất và thống kê			x															x	x			
21.	TIN 122	Tin học cơ bản 1		x																x	x			
22.	TIN 226	Tin học cơ bản 2		x																x	x			
23.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	x											x	x					x				
24.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	x											x						x				
25.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	x											x						x				
26.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x											x						x				

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
27.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	x									x					x		x	
28.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	x									x					x		x	
29.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	x									x					x		x	
30.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	x									x					x		x	
31.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1			x				x								x	x		
32.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô			x				x								x	x		
33.	KHXX 211	Luật kinh tế				x				x		x						x	x	
34.	TKE 213	Lý thuyết thống kê						x	x						x		x	x		
35.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính		x								x	x				x	x		
36.	KTE 215	Kinh tế lượng				x												x	x	
37.	MKT 111	Marketing căn bản				x	x	x	x	x			x	x			x	x	x	x
38.	QTRI 333	Kỹ năng quản trị						x		x	x			x			x	x		
39.	KHXX 292	Giao tiếp trong kinh doanh						x						x		x	x	x		
40.	QTRI 283	Thương mại quốc tế				x			x							x	x			
41.	QTRI 212	Thương mại điện tử căn bản						x		x							x	x	x	x
42.	QTRI 244	Quản trị học				x					x		x					x	x	
43.	KTOAN 214	Nguyên lý kế toán				x					x						x	x		
44.	QTRI 376	Quản trị tài chính doanh nghiệp				x	x		x					x			x	x		
45.	TCHINH 451	Lập và phân tích dự án đầu tư						x	x	x	x						x	x	x	x
46.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế				x	x					x					x	x		
47.	KTOAN 221	Kế toán tài chính				x		x	x	x					x		x	x	x	
48.	QTRI 452	Quản trị chất lượng						x							x		x		x	x
49.	QTRI 321	Quản trị Marketing			x				x								x	x		
50.	QTRI 365	Quản trị nhân lực						x	x	x	x			x	x		x	x	x	x
51.	QTRI 354	Quản trị kinh doanh 1						x	x	x	x						x			x
52.	QTRI 451	Quản trị kinh doanh 2							x	x	x				x		x			x
53.	QTRI 351	Quản trị chiến lược						x		x	x				x		x	x		
54.	QTRI 352	Quản trị tác nghiệp 1							x								x	x	x	x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
55.	QTRI 353	Quản trị tác nghiệp 2					x	x	x	x	x						x	x		
56.	QTRI 349	Quản trị bán hàng					x		x	x			x				x	x		
57.	QTRI 367	Quản trị thương hiệu					x	x	x	x			x		x		x	x	x	x
58.	TCHINH 322	Thị trường chứng khoán				x			x				x				x	x		
59.	KTE 344	Kinh tế môi trường				x	x						x				x	x	x	x
60.	QTRI 361	Tính chi phí kinh doanh					x	x	x	x	x	x	x				x	x		
61.	KHXX 323	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh		x				x			x						x	x		
62.	KTE 321	Thống kê doanh nghiệp				x		x					x	x				x	x	
63.	QTRI 457	Đề án quản trị tác nghiệp					x						x		x		x	x		
64.	QTRI 464	Đề án quản trị kinh doanh						x					x		x		x	x		
65.	QTRI426	Thực tập chuyên đề				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
66.	QTRI 424	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
67.	QTRI 495	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
68.	QTRI 463	Giao dịch và đàm phán kinh doanh					x	x	x	x	x	x	x				x	x		
69.	QTRI 211	Quản trị văn phòng						x					x		x		x			x
70.	KHXX 322	Văn hoá kinh doanh				x	x		x	x		x	x				x	x	x	x
71.	TCHINH 341	Thuế			x					x		x					x	x		

## V. Tiến trình đào tạo



## **VI. Nội dung các học phần**

### **6.1. Mô tả học phần**

#### **1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin**

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, học phần còn được cấu trúc thành 3 phần với 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát về những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; Phần thứ hai có 3 chương trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có hai chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Thông qua học phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

#### **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung, quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### **3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ và vai trò lãnh đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ lịch sử, đặc biệt thời kỳ đổi mới đất nước. Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng vào công tác thực tiễn trong quá trình học tập và công việc của bản thân. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

#### **4. Tâm lý học đại cương**

Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn

ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người, có thái độ đúng đắn trong việc giải quyết mọi mặt đời sống xã hội.

### **5. Pháp luật đại cương**

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### **6. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

### **7. Khởi nghiệp kinh doanh**

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

### **8. Tiếng Anh 1**

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi,...



Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

## **9. Tiếng Anh 2**

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc, văn hóa,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

## **10. Tiếng Anh 3**

Học phần gồm 7 bài học được chia thành 7 chủ điểm. Mỗi chủ điểm tập trung luyện tập 1 hiện tượng ngữ pháp, từ vựng khác nhau tập trung vào các nội dung chính: nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng của các loại động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể.

Trên cơ sở các chủ điểm chính, mỗi bài học được chia thành 4 phần. Phần I: tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố. Phần II: Listening Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng Nghe mô tả tranh, Nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, Nghe các đoạn hội thoại ngắn. Phần III: Reading Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng đọc hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại. Phần 4: Speaking, giới thiệu về một chủ đề nhất định, luyện tập kỹ năng nói. Mỗi bài học đều có phần củng cố và luyện tập toàn bộ nội dung bài học đó.

## 11. Tiếng Anh 4

Học phần gồm 24 bài học luyện kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC về các chủ điểm: văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm và 2 bài thi theo định dạng TOEIC,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành,

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: công nghệ, phương tiện giao thông, công việc, du lịch, mua sắm,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi đáp và nghe đoạn hội thoại, đọc thoại, đoạn phỏng vấn. Kỹ năng đọc yêu cầu sinh viên hoàn thành câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận,...

## 12. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Học phần gồm 3 bài ôn tập và 12 bài học, trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành về Quản trị kinh doanh. Luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trên cơ sở lượng từ vựng 1000 từ và kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: Từ ghép, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, giới từ, tiền tố, tiền tố phủ định, danh động từ, động từ nguyên thể, từ nối, cấu tạo bị động, trạng từ chỉ mức độ, câu điều kiện, phân biệt thì hiện tại và quá khứ đơn.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong kinh doanh như diễn thuyết, tham gia hội nghị, đàm phán, giao tiếp qua điện thoại.

## 13. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phiên âm và chữ viết tiếng Trung: phát âm, cách đọc biến âm, phiên âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

- Từ vựng: Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới, mẫu câu thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày (chào hỏi, hỏi địa điểm, xác nhận tên đồ vật, hỏi họ tên, giới thiệu - làm quen, hỏi địa chỉ, món ăn, miêu tả đồ vật, gia đình,...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng “们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少, cách đọc số tự nhiên và mã số,

câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

- Bài 1 đến bài 13 mỗi bài đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

#### **14. Tiếng Trung 2**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động. Cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又.....”; động từ lặp lại. Cách nói ngày tháng năm; giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 6 phần, bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

#### **15. Tiếng trung 3**

- Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian thời gian.

- Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách nói ngày tháng năm - giờ, cách nói giá tiền, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, cấu trúc “又...又.....”

- Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

#### **16. Tiếng trung 4**

Học phần gồm 6 bài, mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

### **17. Tiếng trung 5**

Mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

### **18. Toán ứng dụng C1**

Học phần Toán ứng dụng C1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, dạng toàn phương.

- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng vào trong các phân tích kinh tế.

### **19. Toán ứng dụng C2**

Học phần Toán ứng dụng C2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung: Tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng; đạo hàm riêng, vi phân, cực trị của hàm nhiều biến, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng của nó trong kinh tế; phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, các mô hình phân tích động trong kinh tế.

### **20. Xác suất thống kê**

Học phần Xác suất Thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

### **21. Tin học cơ bản 1**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.